

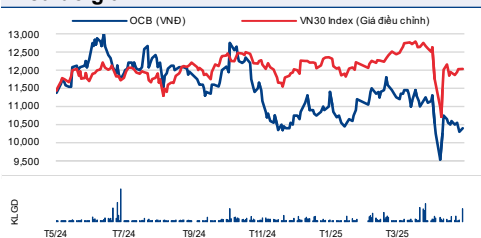
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ13,500
Tiềm năng tăng/giảm: 29.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2025)	10,400
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,540-12,999
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	10,367
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	25,644
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	986
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,466
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	542
Slg CP NN được mua (tr.đv)	52.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.9%
Tỷ lệ freefloat	48.0%
Cổ đông lớn	Chủ tịch, liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	281	322	364
Dư nợ cho vay (ntđ)	176	208	247
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	10.1	12.1	14.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.17	3.83	4.42
BVPS (đồng)	12,844	14,399	16,190
EPS (đồng)	1,287	1,555	1,791
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	19.1	18.4	18.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	12.7	20.1	16.0
Tăng trưởng EPS (%)	(3.91)	20.8	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	10.5	11.4	11.7
ROAA (%)	1.22	1.27	1.29
Tỷ lệ NIM (%)	3.45	3.44	3.54
Tỷ lệ CIR (%)	37.8	37.3	38.0
Hệ số CAR (%)	12.3	12.0	12.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.16	2.90	2.75
LLR/nợ xấu (%)	35.3	47.2	50.6
Hệ số LDR (%)	123	125	125
P/B (lần)	0.81	0.72	0.64
P/E (lần)	8.08	6.69	5.81
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA
Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 giảm 26,5%, sát với dự báo

- OCB đã công bố LNTT Q1/2025 đạt 893 tỷ đồng, giảm 26,5%. Kết quả kém tích cực nhưng nhìn chung sát với dự báo Q1 của chúng tôi do thu nhập ngoài lãi suy yếu và chi phí dự phòng tăng mạnh.
- Chi phí tín dụng vẫn khiêm tốn nhưng chất lượng tài sản tiếp tục gặp áp lực với nợ xấu gia tăng, từ đó cho thấy chi phí dự phòng có thể tăng lên trong phần còn lại của năm.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 13.500đ cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025 vào ngày 28/4/2025

OCB ghi nhận LNTT Q1/2025 đạt 893 tỷ đồng, giảm 26,5% so với cùng kỳ với tổng thu nhập hoạt động đi ngang - do tín dụng tăng trưởng khiêm tốn, tỷ lệ NIM thu hẹp và thu nhập ngoài lãi kém tích cực cùng với chi phí dự phòng gia tăng. Mặc dù kém tích cực nhưng lợi nhuận nhìn chung sát với dự báo Q1 và hoàn thành 18,6% dự báo cả năm của chúng tôi.

Thu nhập lãi thuần tăng 13,8% so với cùng kỳ trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng khiêm tốn cùng áp lực lên tỷ lệ NIM

- Tín dụng tăng trưởng** khiêm tốn 2,5% kể từ đầu năm, thấp hơn tăng trưởng tín dụng của hệ thống (tăng 3,9%) và tương đương tăng trưởng Q1/2023 và Q1/2024. HSC dự báo tín dụng sẽ bắt đầu tăng trưởng mạnh hơn trong Q2/2024, tương tự xu hướng trong quá khứ.
- Tỷ lệ NIM** giảm 18 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 87 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,16%. Tuy nhiên, so với tỷ lệ NIM cốt lõi (loại ra khoảng 300-400 tỷ đồng thu nhập từ thu hồi nợ xấu tạm thời làm tăng tỷ lệ NIM trong Q4/2024), tỷ lệ NIM chỉ giảm 25 điểm cơ bản so với quý trước. Kết quả này chủ yếu do chi phí huy động tăng 27 điểm cơ bản, khả năng do các NHTM quy mô nhỏ và trung bình thương nhạy cảm hơn với điều kiện thị trường hiện tại. Trong khi đó, lợi suất gộp vẫn ổn định.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, OCB

Tổng thu nhập HĐ đi ngang trong khi chi phí HĐ tăng & chi phí dự phòng tăng mạnh (từ mức nền thấp) khiến LNTT giảm 26,5%

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	2025 HSCF	% dự báo
Thu nhập lãi thuần	1,901	2,164	13.8%	9,971	21.7%
Thu nhập ngoài lãi	386	110	-71.6%	2,123	5.2%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	120	131	9.4%	1,036	12.6%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	118	7	-94.0%	391	1.8%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	15	-100	-746.9%	157	N/m
Thu nhập khác	134	72	-46.4%	539	13.3%
Tổng thu nhập HĐ	2,287	2,273	-0.6%	12,095	18.8%
Chi phí HĐ	-869	-1,002	15.4%	-4,506	22.2%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	1,418	1,271	-10.4%	7,589	16.8%
Chi phí dự phòng	-204	-378	85.3%	-2,797	13.5%
LNTT	1,214	893	-26.5%	4,791	18.6%
Lợi nhuận thuần	954	712	-25.3%	3,833	18.6%

Nguồn: OCB, HSC

Thu nhập ngoài lãi giảm mạnh do lỗ HĐ kinh doanh nguồn vốn

Nhìn chung, thu nhập ngoài lãi giảm mạnh 71,6% do hầu hết các mảng kinh doanh đều kém tích cực ngoại trừ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 9,4%. OCB chỉ ghi nhận lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối nhỏ do giảm 94%, trong khi HĐ mua bán trái phiếu lỗ trong quý thứ 4 liên tiếp, cho thấy những khó khăn vẫn tiếp diễn từ năm 2024 do lợi suất TPCP vẫn đang trong xu hướng tăng trong Q1/2025.

Chất lượng tài sản suy yếu với nợ xấu tăng cao và chi phí dự phòng thấp

Sức ép lên chất lượng tài sản vẫn hiện hữu trong Q1/2025 với tỷ lệ nợ xấu gộp (nợ xấu báo cáo + các khoản nợ chờ xử lý) tăng lên 4,4% từ 3,9% tại thời điểm cuối năm 2024, chỉ thấp hơn mức đỉnh 4,7% tại thời điểm cuối năm 2023. Nợ xấu mới hình thành tiếp tục xu hướng tăng với tỷ lệ nợ xấu mới hình thành hợp nhất (theo năm) tăng lên 3,8% từ 2,9% trong Q4/2024 và 3,3% trong Q3/2024.

Cụ thể cơ cấu nợ xấu gồm (1) nợ xấu (3,8% tổng dư nợ tín dụng) và (2) các khoản nợ chờ xử lý (0,6% tổng dư nợ tín dụng) - như sau:

- **Các khoản nợ chờ xử lý** giảm tích cực 22% so với quý trước xuống 1,1 nghìn tỷ đồng, tương đương 0,6% tổng dư nợ tín dụng (giảm từ 0,8% tại thời điểm cuối năm 2024).
- **Tỷ lệ nợ xấu báo cáo** vẫn ở mức cao là 3,8% tổng dư nợ tín dụng (tăng từ 3,1% tại thời điểm cuối năm 2024). Tại ĐHCĐ, BLĐ đã chia sẻ nợ xấu tập trung ở danh mục cho vay khách hàng cá nhân.

Đối với dự phòng, chi phí dự phòng tăng mạnh 85,3% so với mức nền thấp cùng kỳ (do OCB hoàn nhập dự phòng đáng kể trong Q1/2024). Chi phí tín dụng tương đối khiêm tốn ở mức 0,8% từ 1,4% trong năm 2024. Do sức ép nợ xấu vẫn tiếp diễn, OCB nhiều khả năng sẽ trích lập dự phòng tương tự năm ngoái: đẩy mạnh trích lập dự phòng để làm sạch bảng CĐKT trong 6 tháng cuối năm 2025, do đó làm tăng chi phí dự phòng lên cao hơn mức đầu năm vào nửa cuối năm.

Hiệu quả hoạt động ổn định mặc dù hệ số CIR tăng lên

Hiệu quả hoạt động ổn định mặc dù hệ số CIR tăng lên 44% (từ 38% trong Q1/2024) do chi phí hoạt động tăng 15,4% so với cùng kỳ trong khi tổng thu nhập hoạt động đi ngang. Tuy nhiên, chi phí hoạt động/tổng dư nợ tín dụng cải thiện nhẹ xuống 2,2% (từ 2,3%), cho thấy hiệu quả hoạt động ổn định.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 0,72 lần, thấp hơn 32% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,07 lần, trong khi P/E dự phóng năm 2025 là 6,7 lần, cao hơn 4% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 6,4 lần

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18.1	18.0	22.2	26.4	31.6
Chi phí lãi	(11.4)	(9.35)	(12.2)	(14.7)	(18.0)
Thu nhập lãi thuần	6.77	8.61	9.97	11.7	13.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.88	0.93	1.04	1.18	1.38
Lãi thuần HĐ KDNH	0.39	0.31	0.39	0.46	0.41
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.65	(0.19)	0.16	0.19	0.22
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.25	0.41	0.54	0.54	0.53
Tổng thu nhập HĐ	8.94	10.1	12.1	14.0	16.2
Chi phí HĐ	(3.17)	(3.80)	(4.51)	(5.33)	(6.24)
LN trước dự phòng	5.77	6.27	7.59	8.70	9.94
Chi phí dự phòng	(1.63)	(2.26)	(2.80)	(3.18)	(3.80)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.14	4.01	4.79	5.52	6.14
Chi phí thuế TNDN	(0.84)	(0.83)	(0.96)	(1.10)	(1.23)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.30	3.17	3.83	4.42	4.91
EPS (đồng)	1,340	1,287	1,555	1,791	1,991
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.78	0.79	0.93	1.08	1.26
Tiền gửi tại NHNN	6.97	2.38	2.50	2.96	3.57
Tiền gửi tại các TCTD khác	33.9	39.1	37.0	29.0	30.8
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.04	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	145	173	206	243	283
Tổng dư nợ cho vay	148	176	208	247	287
Dự phòng rủi ro	(2.51)	(2.59)	(2.85)	(3.44)	(3.76)
Chứng khoán đầu tư	40.3	52.6	61.4	71.0	81.7
CK đầu tư sẵn sàng để bán	40.3	52.6	61.5	71.1	81.7
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.04)	(0.05)	(0.05)	(0.05)	(0.05)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.55	0.63	0.63	0.63	0.63
Tài sản khác	12.3	11.9	13.9	16.3	18.9
Tổng tài sản	240	281	322	364	420
Nợ phải trả	212	249	286	324	375
Tiền gửi của NHNN	0.09	3.47	1.50	0.30	0.18
Tiền gửi của các TCTD khác	31.0	45.0	50.0	51.5	59.7
Tổng tiền gửi KH	126	142	167	197	238
Trái phiếu và CCTG	37.8	44.0	52.6	58.9	59.4
Nợ khác	12.3	7.79	9.20	10.0	11.6
Vốn chủ sở hữu	28.5	31.7	35.5	39.9	44.8
Vốn điều lệ	20.5	24.7	24.7	24.7	24.7
Thặng dư vốn cổ phần	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	5.35	3.74	7.57	12.0	16.9
Quỹ & vốn khác của CSH	2.59	3.22	3.22	3.22	3.22
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	240	281	322	364	420
BVPS (đồng)	11,573	12,844	14,399	16,190	18,181

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	23.8	16.9	14.7	13.2	15.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.3	19.1	18.4	18.4	16.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.2	13.1	17.0	18.3	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	22.0	13.9	17.6	16.8	16.0
Tăng trưởng VCSH (%)	12.9	11.0	12.1	12.4	12.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(2.62)	27.2	15.9	17.0	16.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.08	19.9	18.5	18.4	16.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.68	8.65	21.1	14.7	14.2
Tăng trưởng LNTT (%)	(5.69)	(3.22)	19.6	15.2	11.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	(5.88)	(3.91)	20.8	15.2	11.2
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.12	3.87	4.01	4.09	4.13
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.46)	(1.46)	(1.50)	(1.55)	(1.59)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.4	95.8	96.1	96.0	96.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.31	1.43	1.57	1.82	2.09
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	20.9	18.1	20.0	23.0	25.6
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.76	8.08	6.69	5.81	5.22
P/B (lần)	0.90	0.81	0.72	0.64	0.57
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.0	31.5	31.7	31.5	30.4
ROAA (%)	1.52	1.22	1.27	1.29	1.25
ROAE (%)	12.3	10.5	11.4	11.7	11.6
Chi phí huy động BQ (%)	6.41	4.35	4.82	5.08	5.40
Lợi suất góp BQ (%)	8.85	7.20	7.65	8.00	8.40
Lợi suất thuần (%)	2.43	2.85	2.83	2.92	3.00
Tỷ lệ NIM (%)	3.30	3.45	3.44	3.54	3.63
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.87	9.25	8.57	8.43	8.55
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.7	85.5	82.4	83.1	84.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.4	5.28	8.99	8.44	7.13
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	37.8	37.3	38.0	38.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	12.3	12.0	12.3	12.0
VCSH/Tổng TS (%)	11.9	11.3	11.0	11.0	10.7
Đòn bẩy vốn (lần)	8.41	8.86	9.06	9.12	9.36
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	5.12	4.16	2.90	2.75	2.40
Hệ số LLR (%)	33.2	35.3	47.2	50.6	54.6
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	123	125	125	121
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	15.9	19.4	18.6	16.7	16.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.5	62.7	64.7	67.7	68.3
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	158	175	192	192	192
Số lượng nhân viên	6,822	7,026	7,728	7,728	7,728

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn